

CUỘC KHÁNG PHÁP CỦA VUA HÀM NGHI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MINH HÓA

ThS. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN

Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Khoa học Huế

Sau thất bại trong cuộc tấn công quân Pháp ở kinh thành Huế của quân đội triều Nguyễn rạng ngày 5/7/1885, kinh đô Huế thất thủ, chủ quyền đất nước rơi vào tay thực dân Pháp, vua Hàm Nghi cùng nhiều quan lại yêu nước đã rời bỏ kinh thành đi kháng chiến với quyết tâm giành lại nền độc lập quốc gia.

1. Đường đến Minh Hóa của vua Hàm Nghi

Từ kinh đô Huế, đoàn ngự giá của vua Hàm Nghi ra hành cung Quảng Trị, rồi lên thành Tân Sở phát dụ Cần Vương vào ngày 13/7/1885 để kêu gọi quan lại, binh lính, sĩ phu và dân chúng cả nước đứng lên giúp vua chống giặc cứu nước. Do thành Tân Sở ở huyện Cam Lộ thuộc tỉnh Quảng Trị quá gần trung tâm quân sự lớn của Pháp ở Huế, dễ bị tấn công tiêu diệt, nên vua Hàm Nghi và triều thần quyết định ra địa bàn Thanh Hóa - Nghệ An để tìm chỗ đứng chân lâu dài.

Vua Hàm Nghi cùng đoàn hộ giá đã từ Cam Lộ theo đường núi lên phía tây vượt qua Lào rồi đi lên hướng bắc. Đến đầu tháng 9/1885, sau nhiều ngày trèo đèo lội suối trên đất Lào, vua Hàm Nghi quay trở lại đất Việt khi vượt qua đèo Quy Hợp đến vùng Hàm Thao, gần Sơn phòng Hà Tĩnh, và được Tổng đốc Nghệ An kiêm chỉ huy Sơn phòng Hà Tĩnh là Nguyễn Chánh đem quân đón tiếp, đưa về trú ở làng Phú Gia thuộc huyện Hương Khê. Sau đó, Phan Đình Phùng đón vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết cùng tùy tùng lên Sơn phòng Hà Tĩnh tiến hành củng cố nhân sự, tổ chức chiêu mộ nghĩa quân, bố trí đồn trại ở các chỗ hiểm yếu... Vua phong cho Phan Quang Cự làm Bố chánh Hà Tĩnh, Huỳnh Xuân Phong làm Sơn phòng Chánh sứ, Nguyễn Khắc Kiềm làm Phó sứ, Phan Khắc Hoè làm Án sát, Phan Đình Phùng làm Tán lý, Phan Trọng Mưu làm Tham biện. Trương Quang Ngọc là một thổ ty vốn người to khỏe, giỏi võ ở vùng Thanh Lạng thuộc huyện Tuyên Hóa (cũ), tỉnh Quảng Bình cũng đem đội quân thiện chiến người Nguồn¹ đến ứng nghĩa, được vua Hàm Nghi phong

¹. Các sách cũ thường chép là người Mường, nhưng thực tế đó là người Nguồn, một nhánh của người Việt (Kinh) ở vùng núi huyện Tuyên Hóa xưa, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 1964, huyện Tuyên Hóa được tách đôi thành hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hoá, người Nguồn chủ yếu sinh sống trên địa bàn huyện Minh Hóa.

chức Hiệp quản, bổ sung vào đoàn quân hộ giá.

Được tin vua Hàm Nghi ở tại Ấu Sơn, Hương Khê, Hà Tĩnh, ngày 17/10/1885 thiếu tướng Prud'homme tổ chức lực lượng tiến đánh để bắt nhà vua nhằm dập tắt phong trào kháng chiến. Tôn Thất Thuyết vội đưa vua Hàm Nghi cùng tùy tùng lui vào vùng Bãi Đứ², Quy Đạ³ thuộc huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình để tránh giặc. Theo gót Hàm Nghi có Tôn Thất Thuyết, Tôn Thất Đạm,⁴ Tôn Thất Tiệp,⁵ Trần Xuân Soạn với chừng 100 lính và đoàn dân công chuyên 50 thùng vật dụng, 3 thớt voi và 5 con ngựa. Đạo quân người Nguồn của Trương Quang Ngọc đi đoạn hậu để chặn giặc. Đoàn quân kháng chiến đi về phía xóm Đồng Nguyên thuộc làng Cỗ Liêm,⁶ nhưng không tìm thấy địa thế thích hợp, nên kéo đến xóm Lim ở làng Ba Nương.⁷ Tám ngày sau, quân Pháp từ Bãi Đứ² tiến đến Trình (làng Kiên Trinh thuộc tổng Thanh Lạng), vua Hàm Nghi liền vào trú quân ở sách Cát Đặng trong thung lũng Ma Rai thuộc tổng Kim Linh.⁸ Một ngày sau, toán quân gồm 35 lính Pháp do đại úy Hugo chỉ huy kéo đến làng Ba Nương.⁹ Không thấy nghĩa quân, giặc bèn tra khảo một người dân địa phương để nắm tin tức, rồi đuổi theo vua Hàm Nghi đến núi Lập Cậ¹⁰ (còn gọi là eo Lèn hay Hung Ái).¹⁰ Quân nhà vua đã phục kích sẵn tại eo Lập Cậ¹⁰ thấy quân Pháp đến liền nổ súng, đạn và tên nổ của nghĩa quân bắn ra tới tấp, hơn một nửa đội quân Pháp bị thương vong, đại úy Hugo bị thương đến hai lần do trúng tên. Bị thất trận, Hugo phải thu quân về Bãi Đứ², hợp với cánh quân đang đồn trú tại đó kéo toàn bộ trở lại Vinh vào ngày 28/12/1885. Đến ngày 3/1/1886, Hugo chết vì tên tẩm độc đã phát tác.¹¹

Vùng Ma Rai rất rộng, lọt thỏm giữa một thung lũng hẹp bốn bên núi rừng

². Bãi Đứ² nay thuộc thôn Tân Đứ², xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

³. Quy Đạ³ nay là thị trấn huyện lỵ huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Do huyện Tuyên Hóa xưa được tách đôi thành hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hoá từ năm 1964, nên địa bàn hoạt động chủ yếu của triều đình Hàm Nghi ngày xưa, nay lại thuộc về huyện Minh Hóa.

⁴. Nhiều sách chép là Đạm, có khi ghi là Đám; nhưng theo gia phả dòng họ Tôn Thất Thuyết, các con trai đều đặt tên có bộ “ngôn”, nên tên con trưởng của Tôn Thất Thuyết gọi là Tôn Thất Đạm.

⁵. Nhiều sách chép là Thiệp, có khi ghi là Thiếp; nhưng theo gia phả dòng họ Tôn Thất Thuyết, các con trai đều đặt tên có bộ “ngôn”, nên tên con thứ của Tôn Thất Thuyết gọi là Tôn Thất Tiệp mới đúng.

⁶. Làng Cỗ Liêm thuộc tổng Kim Linh xưa, nay thuộc xã Tân Hóa, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

⁷. Làng Ba Nương thuộc tổng Cơ Sa xưa, nay thuộc xã Xuân Hóa, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

⁸. Sách Cát Đặng ở thung lũng Ma Rai nay thuộc thôn Đặng Hoá, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

⁹. Prud'homme, L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886, Chapelot, Paris, 1901, p. 101.

¹⁰. Con đường đèo qua núi Lập Cậ¹⁰ dài ước 10 km, còn gọi là Eo Lèn hay Hung Ái, đỉnh đèo có độ dốc 50-60o, dẫn vào xã Hóa Sơn, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình hiện nay.

¹¹. B. Bourotte, “L’Aventure du Roi Ham Nghi”, B.A.V.H, No. 3, 1929, p. 148.

cao ngất, là một địa bàn hiểm yếu. Chiều dài của thung lũng theo hướng đông tây khoảng 10km, chiều rộng khoảng 1-2km. Muốn vào thung lũng này phải qua hai cái đèo (tiếng địa phương gọi là eo): đèo Ông Đùng, hay còn gọi là eo Cà Bời, ở phía đông (nếu đi theo con đường nay thuộc xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa vào); đèo Lập Cập ở phía bắc (nếu đi theo con đường nay thuộc các xã Hóa Tiến và Hóa Hợp, huyện Minh Hóa vào). Từ thung lũng này muốn rút lui có hai đường: vượt qua núi Pun về phía tây ra La Văn đến Khe Ve, hoặc vượt qua dãy Trường Sơn ở phía nam theo ngã đèo Mụ Giạ (nay thuộc xã Dân Hoá, huyện Minh Hoá) để qua Lào.

Sau trận thắng Lập Cập, do địa thế vùng Ma Rai đất rộng, rừng núi hoang vu, dân cư thưa thớt nhưng lại quá nghèo, nếu giặc bao vây chặn mất đường eo Lập Cập thì khó liên hệ được bên ngoài để mở rộng địa bàn hoạt động và tập hợp lực lượng chống Pháp; nên sau 3 tháng trú đóng, đầu năm 1886, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết quyết định rút khỏi thung lũng Ma Rai đi về hướng tây qua núi Pun, theo đường La Văn về Tân Yên,¹² sau đó chuyển lên Tà Bảo, rồi Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng.¹³

Như vậy, sau mấy tháng lặn lội đi tìm chỗ đứng chân để điều hành cuộc kháng chiến chống Pháp trên cả nước, mặc dù không nằm trong kế hoạch dự định như huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị hay vùng núi rừng Thanh - Nghệ, nhưng cuối cùng lịch sử đã đưa đẩy vua Hàm Nghi đến với núi rừng huyện Minh Hóa (một phần của huyện Tuyên Hóa xưa) thuộc tỉnh Quảng Bình và gắn bó lâu dài suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến.

Sự ngẫu nhiên này lại là một tất nhiên của lịch sử, vì Minh Hóa không chỉ có địa bàn hiểm trở, lòng dân thuận theo vua, mà còn do ở đây như một tâm điểm nằm cách xa vừa đủ hai trung tâm quân sự mạnh của Pháp và tay sai ở Huế và Vinh, khiến chúng khó khăn và chậm chạp trong việc điều quân trấn áp, còn vua Hàm Nghi và triều thần thì dễ ẩn náu, trốn tránh khi địch vây lũng. Vào trong Minh Hóa thì gần Huế, ra ngoài Minh Hóa thì gần Vinh, đều dễ bị Pháp tấn công, nên trong hoàn cảnh lịch sử đó, Minh Hóa đã trở thành điểm đứng chân hợp lý nhất của bộ máy lãnh đạo phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi.

2. Cuộc chiến đấu của vua Hàm Nghi ở căn cứ Khe Ve

Tại vùng Khe Ve, vua Hàm Nghi lập căn cứ ở cửa Khe, đắp lũy cao hai thước tạo thành đồn chiến đấu. Đây là căn cứ nằm bên bờ sông Nan - một nhánh quan trọng thuộc thượng nguồn sông Gianh. Trên địa bàn Khe Ve có rất

¹². Tân Yên nay thuộc xã Hóa Tiến, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

¹³. Tà Bảo, Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng xưa, nay thuộc xã Hóa Thanh, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

nhiều hàng động, nhờ đó vua Hàm Nghi gặp thuận lợi hơn trong việc đóng quân và cất giấu lương thực.¹⁴ Muốn đến vùng Khe Ve, phải qua hai dãy núi đá Ma Rai và Lập Cập rất hiểm trở. Đồng bào Nguồn chung quanh tuy nghèo khổ vẫn mang lương thực đến ủng hộ khá nhiều, vua Hàm Nghi thấy vậy liền sai người đem tiền trả lại cho đồng bào.

Đầu tháng 1/1886, lại một cánh quân từ Vinh do trung úy Camus chỉ huy phối hợp với quân Pháp trú phòng ở Hà Tĩnh lên đường tìm bắt vua Hàm Nghi. Ngày 10/1/1886, từ Hà Tĩnh quân Pháp kéo lên Tốc Kỳ, Làng Mai và đến gần cửa Khe ở thượng nguồn sông Nan thì phát hiện dấu vết của nghĩa quân. Rút kinh nghiệm sau trận đại bại của Hugo, lần này quân Pháp tiến rất chậm, song vẫn bị nghĩa quân theo dõi từng bước. Ngày 17/1/1886, quân Pháp đến gần cửa Khe thì bị nghĩa quân chặn đánh. Cuộc giao chiến diễn ra ác liệt, Camus trúng tên bị thương nên giao quyền chỉ huy lại cho trung úy Freystatter. Quân Pháp lại tiếp tục kéo binh vượt qua Khe Ve thì bị nghĩa quân mai phục bên bờ hữu ngạn đánh úp, Camus cùng 3 lính Pháp tử trận tại chỗ, 8 lính Pháp khác bị thương, cuộc hành binh bị bẻ gãy hoàn toàn. Freystatter vội vàng đem tàn quân chạy về Bãi Đức, từ đó rút về Vinh vào ngày 21/1/1886.¹⁵

Qua hai lần thất trận nhục nhã, người Pháp xác định phải đánh đồn cửa Khe và tiêu diệt cơ quan đầu não của vua Hàm Nghi bằng mọi giá. Cuộc hành quân quy mô của Pháp đã được vạch ra: một cánh của thiếu tá Plagnol từ Vinh tiến lên Bãi Đức, cánh thứ hai của thiếu tá Pelletier từ Hà Tĩnh vượt qua đèo Quy Hợp, xuôi theo Khe Ròi thọc xuống. Cả hai cánh quân cùng lúc đánh vào căn cứ cửa Khe của vua Hàm Nghi. Đây là một trận đánh sinh tử bởi vì tương quan lực lượng quá chênh lệch, nên dù chiến đấu anh dũng, gây nhiều thiệt hại cho Pháp, nghĩa quân Hàm Nghi vẫn phải rút chạy. Tôn Thất Thuyết cùng Trần Xuân Soạn đem một ít quân theo ngả Quy Đạt ra Hà Tĩnh, rồi sau đó ra Bắc để qua Trung Quốc cầu viện vào tháng 2/1886. Đạo quân người Nguồn của Trương Quang Ngọc cùng hai anh em Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Tiếp đưa vua Hàm Nghi rút sâu vào rừng núi phía tây. Trong trận này nghĩa quân Hàm Nghi bị tổn thất khá nặng, bỏ lại nhiều ngựa, gươm súng và áo quần thường dùng của nhà vua.

Từ căn cứ Khe Ve, vua Hàm Nghi sang núi Ma Rai, rồi từ đó thường xuyên luân chuyển, khi thì ở Ma Rai, khi thì về Thanh Cước, lúc lại sang Khe Ve, quanh quẩn mãi trong vùng rừng núi Quảng Bình, Hà Tĩnh và Cam Môn

¹⁴. Căn cứ Khe Ve trước đây thuộc phường Thanh Thiên, tổng Thanh Lạng, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình; ngày nay nằm trên tuyến đường 12A từ ngã ba Khe Ve, thuộc xóm Nhà Cột, thôn Thanh Long, xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, lên đèo Mụ Giạ giáp biên giới Việt Lào.

¹⁵. Prud'homme, L'Annam du 5 Juillet au 4 Avril 1886, Chapelot, Paris, 1901, p. 120.

(thuộc Lào). Hai lữ đoàn tăng cường của trung tá Metzinger và trung tá Mignot đưa quân sẵn lòng ráo riết nhưng không tài nào tìm được vua Hàm Nghi, nên cuối cùng phải rút về đóng ở Quảng Khê (cửa sông Gianh) và thành Đồng Hới. Ngày 16/2/1886, đích thân thiếu tướng Prud'homme từ Huế ra Quảng Bình chỉ huy chiến dịch bao vây Hàm Nghi. Quân Pháp triển khai chiếm đóng Hà Tĩnh, thiết lập căn cứ chợ Đồn và ở cửa sông Gianh để kiểm soát. Đạo quân “miền thượng nguồn” của Metzinger được lệnh bao vây thung lũng phía trên sông Gianh, chặn các đường giao thông phía tây và phía nam vùng Khe Ve. Còn đạo quân “miền hạ lưu” của Mignot thì chịu trách nhiệm kiểm soát khu vực phía dưới.

Ngày 28/2/1886 quân Pháp đến vùng Khe Ve, vua Hàm Nghi theo con đường mòn bí mật qua phía nam vùng Khe Ve đến Ngả Hai, sau đó lọt vào khu vực biên giới và trú ngụ tại đó để tránh sự truy lùng. Từ ngày 3 đến ngày 7/3/1886, từ Khe Ve quân Pháp tỏa đi các hướng chung quanh, chiếm các điểm cao chia cắt Khe Mòi với sông Nan, lục soát Khe Doi nơi vua Hàm Nghi từng trú ẩn, nhưng vẫn không thu được kết quả. Quân Pháp tiếp tục truy lùng thêm 10 ngày nữa rồi đành bỏ cuộc kéo quân trở về Đồng Hới.¹⁶

Sau cuộc rút lui của quân Pháp vào tháng 3/1886, hoạt động điều hành cuộc kháng chiến ở Minh Hóa do vua Hàm Nghi đứng đầu tỏ ra có hiệu quả hơn trước. Từ căn cứ Khe Ve ở Quảng Bình, vua Hàm Nghi và bộ tham mưu chỉ đạo hoạt động chống Pháp thông qua việc phong chức cho các thủ lĩnh và phân công địa bàn phụ trách. Như Nguyễn Quang Bích nhận hàm Lễ bộ Thượng thư phụ trách vùng Tây Bắc (Bắc Kỳ); Nguyễn Thiện Thuật nhận hàm Bộ chính Hải Hưng, sau thăng làm Hiệp thống Bắc Kỳ Quân vụ đại thần, lãnh đạo phong trào chống Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ... Tôn Thất Đàm là con trai trưởng của Tôn Thất Thuyết, theo cha phò vua Hàm Nghi cứu nước, đến tháng 2/1886 khi Tôn Thất Thuyết lên đường ra Bắc rồi sang Trung Quốc cầu viện, Tôn Thất Đàm được giữ chức Khâm sai Chương lý Quân vụ đại thần, chịu trách nhiệm trực tiếp ban phát mệnh lệnh của vua Hàm Nghi cho các tướng sĩ khắp cả nước, đồng thời phụ trách việc điều động binh đội từ các tỉnh Hà Tĩnh - Quảng Bình trở vào các tỉnh trong Nam. Việc điều động các toán quân từ Nghệ An trở ra các tỉnh ngoài Bắc được giao phó cho Trần Xuân Soạn.¹⁷

Chỗ dựa trực tiếp về quân sự của vua Hàm Nghi ở Quảng Bình là lực lượng của nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân, được vua phong làm Hồng Lô tự khanh sung Tán lý quân vụ. Đầu năm 1886, sau khi Tôn Thất Thuyết ra Bắc rồi sang Trung Quốc cầu viện, Nguyễn Phạm Tuân được thăng chức Thượng

¹⁶. Prud'homme, L'Annam du 5 Juillet au 4 Avril 1886, Chapelot, Paris, 1901, p.121.

¹⁷. Nguyen The Anh, Monarchie et fait colonial au Viet Nam 1875-1925, Ed. L' Harmattan, Paris, 1992, pp. 128-129.

tướng quân, làm việc bên cạnh Tôn Thất Đàm để giúp vua đánh giặc. Căn cứ kháng chiến của Nguyễn Phạm Tuân ở vùng Yên Lương - Cổ Liêm¹⁸ thuộc thượng lưu sông Gianh, nằm sát vị trí đóng quân của vua Hàm Nghi ở Khe Ve, quân số có đến ngàn người. Nguyễn Phạm Tuân đã sát cánh cùng với Khâm sai Tán lý quân vụ đại thần Tôn Thất Đàm chiến đấu bảo vệ căn cứ Khe Ve của vua Hàm Nghi rất tích cực.

Đến tháng 4/1886, nhận thấy cần phải xây dựng một cơ sở cố định để nắm bắt tình hình và điều hành cuộc kháng chiến, dựa vào Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm đã đem một viên tá sứ, một viên tham biện cùng 30 nghĩa quân từ nơi ở của vua Hàm Nghi tại tổng Thanh Lạng đến xóm Thác Đài, làng Cổ Liêm thiết lập một văn phòng trung tâm thu nhận tin tức, tấu, sớ, biểu của các thủ lĩnh Cần Vương khắp nơi gửi về rồi chuyển cho vua Hàm Nghi phê duyệt, và nhận chỉ thị trực tiếp từ nhà vua để truyền đạt lại.¹⁹

Vùng thượng nguồn sông Nan, sông Gianh bao quanh khu vực vua Hàm Nghi ở đều có nghĩa quân đóng giữ. Còn vùng trung lưu sông Gianh thì có Đề đốc Lê Trực xây dựng căn cứ kháng chiến tại Thanh Thủy. Nghĩa quân của Lê Trực nhiều lần phối hợp với Nguyễn Phạm Tuân và Tôn Thất Đàm chiến đấu chống Pháp hành quân ở thượng nguồn, trực tiếp bảo vệ vua Hàm Nghi. Tài liệu của Pháp cho biết rằng: "Từ mùa xuân, vùng thượng lưu giữa sông Nậy và sông Gianh không nổi được, các làng đặt dưới quyền kiểm soát của quân phiến loạn (nghĩa quân-TG)".²⁰

Trước sự lớn mạnh của bộ máy lãnh đạo kháng chiến ở Quảng Bình và phong trào Cần Vương khắp cả nước, vua Đồng Khánh do Pháp lập nên ở Huế (từ 14/9/1885) đã ra đạo dụ mới kêu gọi những người kháng chiến về đầu thú, hứa thưởng tước "Nam" và hàm nhị phẩm cho những ai đưa được vua Hàm Nghi về Huế. Trong hai năm 1886-1887, các cuộc khởi nghĩa ủng hộ vua Hàm Nghi nổ ra khắp nơi, đẩy quân Pháp vào thế bị động cả về quân sự lẫn chính trị. Do vậy, địch càng muốn mau chóng bắt được Hàm Nghi để đề bẹp ý chí chiến đấu của những người kháng chiến.

Pháp bao vây căn cứ của vua Hàm Nghi bằng cách chặn các con đường tiếp tế của nghĩa quân, xây dựng nhiều đồn bốt dọc theo sông Gianh, cắt đứt liên lạc giữa dân chúng với quân kháng chiến và thực hiện việc đốt phá, khủng bố dã man, tàn bạo. Vào ngày 27/2/1887, quân Pháp chia làm hai cánh, do Bertrand dẫn một cánh đi qua Troóc và Cổ Liêm đánh vào nơi tập trung quân của Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm ở Thác Đài, cánh còn lại do Trupel chỉ

¹⁸. Làng Cổ Liêm (tục gọi là làng Trem) xưa thuộc tổng Kim Linh, huyện Tuyên Hóa, ngày nay thuộc xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

¹⁹. B. Bourotte, "L' Aventure du roi Ham Nghi", B.A.V.H, No. 3, 1929, p. 139-140.

²⁰. Charles Gosselin, L'Empire d'Annam, Perrin et Cie, Paris, 1904, p. 271.

huy từ Quảng Khê men theo Rào Nan đánh lên. Nghĩa quân đã chặn đánh quyết liệt, làm cánh Trupel bị tổn thất nặng và chúng không hội quân được với nhau. Tuy căn cứ Thác Đài bị mất. Lãnh binh Kiêm hy sinh cùng nhiều nghĩa quân khác, song quân Pháp vẫn thất bại, rút quân về lại Quảng Khê.

Ngày 9/4/1887, quân Pháp do đại úy Mouteaux chỉ huy chia làm hai cánh, đem theo Nguyễn Trọng Duật đã phản bội và một lý trưởng cũ để chỉ đường tiến đánh làng Yên Lương trên Rào Nan. Nguyễn Phạm Tuân bị bắn trọng thương, bị bắt và hôm sau thì chết, các tướng lãnh dưới quyền của ông đều bị xử bắn ở chợ Minh Cầm.

Nhằm tiêu diệt hết các cánh quân bảo vệ vua Hàm Nghi, ngày 17/4/1887 quân Pháp tiến đánh căn cứ Hạ Trang (Lệ Sơn), rồi dồn binh càn quét vùng Troóc, và tấn công căn cứ Cao Mại của Mai Lượng. Mặc dù chiến đấu anh dũng, nhưng do tổn thất quá nặng, Mai Lượng phải rút qua Vàng Liêu hội quân với Tôn Thất Đàm. Cuối năm 1887, được Tôn Thất Đàm giao quyền chỉ huy quân đội triều đình Hàm Nghi tại Vàng Liêu, Mai Lượng ra sức củng cố lực lượng nghĩa quân, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân và giành lại quyền kiểm soát một khu vực rộng lớn. Ngày 19/6/1887, Mouteaux bất ngờ đánh xuống căn cứ Thanh Thủy của Đề đốc Lê Trực, hầu hết nghĩa quân và vợ con Lê Trực bị bắt sống, chỉ có Lê Trực và một ít nghĩa quân trốn thoát. Từ đây lực lượng của Lê Trực yếu dần và không có được trận đánh nào đáng kể nữa.

Nguyễn Phạm Tuân hy sinh, nghĩa quân Lê Trực tan rã, Tôn Thất Đàm thì rút ra và bị cô lập ở vùng rừng núi Hà Tĩnh, nghĩa quân Mai Lượng bị khống chế hoạt động, xem như lực lượng trực tiếp bảo vệ vua Hàm Nghi bị tan tác, các vùng trên sông Gianh lần lượt lọt vào tay Pháp, chỉ còn tổng Thanh Lạng là khu vực mà vua Hàm Nghi có thể ẩn náu.

Nhờ địa thế trắc trở và lòng yêu nước của những người hộ giá, vua Hàm Nghi vẫn tồn tại, tránh được móng vuốt của các đoàn quân Pháp đang ngày đêm lùng sục. Nhưng dần dà, một số người đi theo vua Hàm Nghi bắt đầu có tư tưởng mệt mỏi, muốn về đầu thú với Pháp. Thông qua Phạm Văn Mỹ, người Pháp nắm được tư tưởng của Trương Quang Ngọc nên tìm cách liên lạc. Ngày 18/7/1887, Mouteaux từ đồn Minh Cầm kéo quân lên Khe Ve rồi qua Thanh Cước để gặp Trương Quang Ngọc, vì biết y thường lui tới chỗ cha vợ là Cả Hinh trú ở vùng này. Quân Pháp đến Thanh Cước mới hay Trương Quang Ngọc đang dừng chân ở Chà Mác. Khi quân Pháp đi sang Chà Mác thì Trương Quang Ngọc đã chạy thoát. Mouteaux liền nhờ dân địa phương chuyển lại bức thư dụ hàng với những hứa hẹn tốt đẹp.

Vài hôm sau, dân nguồn Cơ Sa²¹ bỏ vua Hàm Nghi quay sang hàng Pháp,

²¹. Nay thuộc xã Hương Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Mouteaux liền nhờ viên chánh tổng trả ống thuốc phiện và cái bàn đèn thu được của Trương Quang Ngọc tại Chà Mác, đồng thời gửi cho vua Hàm Nghi một tạ gạo trắng cùng 2 bức thư của bà Thái hậu Từ Dũ và vua Đồng Khánh khuyên hàng. Trương Quang Ngọc cũng có thêm một bức thư riêng của Mouteaux thương lượng bắt vua Hàm Nghi lập công, lập tức y nhận lời giúp Pháp bắt vua Hàm Nghi, nhưng do bị trượt gãy chân trong lần trốn chạy ở Chà Mác, nên hẹn đợi đến lúc lành bệnh sẽ bắt tay thực hiện.²²

Đầu năm 1888, vành đai bao vây vua Hàm Nghi xiết chặt dần, Tôn Thất Tiệp muốn đưa vua ra Bắc tiếp tục chiến đấu song không thành. Có người tuyệt vọng quá liền đặt vấn đề điều đình với Pháp, lập tức bị Tôn Thất Tiệp chém đầu. Lúc này quanh nhà vua chỉ còn lại Tôn Thất Tiệp, hai cha con Thống chế Nguyễn Thuý và hai người lính Nguồn cùng vài người khác từng đi theo vua Hàm Nghi nhưng không còn được Tôn Thất Tiệp tin cậy nữa, vì thế Trương Quang Ngọc chưa thể thực hiện ý đồ phản bội.

Ngày 12/10/1888, viên đội trước đây vốn theo hầu vua Hàm Nghi là Nguyễn Đình Tình đến đầu thú Pháp ở đồn Đồng Ca và tiết lộ tin tức nhà vua cho giặc. Đại úy Boulanger liền phái Nguyễn Đình Tình liên lạc với Trương Quang Ngọc. Vài ngày sau, hai kẻ phản bội nhận lời bắt vua cho thực dân Pháp. Ngày 1/11/1888, Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Tình đem theo 20 lính người Nguồn lấy ở Thanh Lạng, Thanh Cước kéo lên Chà Mác. Đến 22 giờ đêm, toán quân phản bội tiến đến chỗ vua Hàm Nghi bên bờ khe Tà Bảo. Đó là một ngôi nhà lợp tranh, vách nửa đơn sơ mới được dựng lên chừng sáu, bảy tháng. Cha con Thống chế Nguyễn Thuý nghe động, từ trong nhà lao ra liền bị Trương Quang Ngọc và đồng bọn dùng giáo đâm chết, Tôn Thất Tiệp vác gươm ra đánh cũng bị lính người Nguồn phóng giáo xuyên qua ngực gục tại chỗ. Cuối cùng, vua Hàm Nghi bị rơi vào tay những kẻ phản bội theo Pháp.

Bắt được Hàm Nghi, Pháp đưa vua ra bến Ngã Hai xuôi bè về đồn Thanh Lạng, Đồng Ca; sau đó giải về Quảng Khê và đến đồn Thuận Bài vào chiều 14/11/1888. Thiếu tá Dabat và trung úy Bonnefoy đem một toán sen đầm từ Huế ra đón. Ngày 15/11/1888, vua Hàm Nghi được đưa qua Bô Trạch rồi vào Đồng Hới, và về Thuận An (Huế) hôm 22/11/1888. Sáng 25/11/1888, quân Pháp đưa vua Hàm Nghi về Lăng Cô để đi tàu vào Sài Gòn. Đến 13/12/1888, vua Hàm Nghi xuống tàu mang tên Biên Hoà để vượt đại dương đi đày sang Bắc Phi.

3. Những giá trị lịch sử

Sau hơn 3 năm đứng chân trên địa bàn huyện Minh Hóa để lãnh đạo phong trào Cần Vương, dù luôn chiến đấu kiên cường, bất khuất và được các tùy

²². Phan Trần Chúc, Vua Hàm Nghi, Chinh Ký, Hà Nội, 1952, tr. 166-167.

tướng cùng nhân dân Minh Hóa giúp đỡ, bảo vệ, che chở tận tình, nhưng cuối cùng vua Hàm Nghi đã bị giặc bắt, sự nghiệp cứu nước bất thành, bị Pháp hành hạ trả thù bằng việc lưu đày nhà vua sang tận Algérie ở châu Phi.

Dù vậy, phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi phát động, lãnh đạo đã biến thành làn sóng khởi nghĩa rầm rộ trên phạm vi cả nước từ khá sớm và hết sức quyết liệt, gây cho Pháp nhiều lúng túng, tổn thất nặng nề, và là một thất bại thảm hại về chính trị của thực dân Pháp ở Việt Nam vì không thể biến vua Hàm Nghi trở thành người đứng đầu bộ máy chính quyền tay sai bù nhìn cho chúng sau ngày chiếm đóng kinh đô Huế, kể cả khi nhà vua đã rơi vào tay giặc.

Trong phần lớn thời gian tiến hành lãnh đạo cuộc kháng chiến, vua Hàm Nghi đã đứng chân lâu dài trên địa bàn huyện Minh Hóa ở tỉnh Quảng Bình, nên nhân dân Minh Hóa và cả tỉnh Quảng Bình càng hăng hái ủng hộ nhà vua, tích cực đẩy lên phong trào kháng chiến mãnh liệt với nhiều cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lượm, Trần Văn Định, Đoàn Đức Mậu, Hoàng Văn Phúc... Tất cả đều ra sức vì nghĩa lớn của dân tộc, quyết đấu tranh trực diện với Pháp để giúp vua giành lại nền độc lập đã mất, trực tiếp góp phần bảo vệ ngọn cờ kháng chiến Hàm Nghi, bảo vệ bộ máy lãnh đạo công cuộc chống Pháp đang hoạt động trên mảnh đất Minh Hóa.

Sự hưởng ứng sôi nổi, quyết liệt và rộng khắp của nhân dân Minh Hóa, nhân dân Quảng Bình nói riêng và nhân dân cả nước nói chung theo tiếng gọi yêu nước của vua Hàm Nghi đã có lúc làm cho nền thống trị của thực dân Pháp hết sức rối loạn, quyền lực của chúng dường như chỉ co hẹp lại ở kinh đô Huế, tạo nên sự phân hoá sâu sắc trong hàng ngũ quan lại của triều đình bù nhìn do pháp dựng lên ở Huế, nhiều người đã tìm cách gia nhập hoặc ủng hộ ngọn cờ chống Pháp do vua Hàm Nghi đứng đầu.

Chính những hy sinh quên mình vì nghĩa lớn của nhân dân Minh Hóa, nhân dân Quảng Bình đã góp phần tác động sâu sắc đến nhận thức và tư tưởng của vua Hàm Nghi, thúc đẩy nhà vua quyết tâm theo đuổi, duy trì cuộc kháng chiến chống Pháp đến cùng. Ngay cả khi đã rơi vào tay giặc, nhà vua vẫn không buông xuôi, không chịu đầu hàng kẻ thù để an hưởng phú quý mà chấp nhận cuộc sống lưu đày, tạo nên hình ảnh cao đẹp về vị vua kháng chiến của triều Nguyễn trong lòng nhân dân một cách lâu bền.

Với thời gian đi kháng chiến chống Pháp là 3 năm 4 tháng (5/7/1885 - 01/11/1888), vua Hàm Nghi có đến hơn 3 năm đứng chân, xây dựng căn cứ kháng chiến, điều hành bộ máy lãnh đạo phong trào Cần Vương và liên tục chiến đấu ở núi rừng Minh Hóa thuộc tỉnh Quảng Bình (10/1885 - 11/1888). Như thế, dù chỉ do hoàn cảnh lịch sử đưa đẩy, nhưng vùng đất Minh Hóa trong thực tế đã biến thành “Kinh đô kháng chiến” trong phong trào Cần Vương do

vua Hàm Nghi đứng đầu.

Và dù không tránh khỏi chuyện ở địa phương có kẻ phản bội bắt vua giao cho giặc, nhưng nhân dân Minh Hóa có quyền tự hào là địa bàn trung tâm nơi đặt bộ máy lãnh đạo phong trào Cần Vương, tự hào về những công hiến, đóng góp của cải, công sức và cả máu xương của mình để bảo vệ vua Hàm Nghi, bảo vệ bộ máy lãnh đạo phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp với quyết tâm giành lại nền độc lập, tự do cho dân tộc. Những đóng góp đó đã tô thắm thêm truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của nhân dân Minh Hóa nói riêng, nhân dân tỉnh Quảng Bình và cả nước nói chung, và là một trong những nét đẹp văn hóa- lịch sử đặc sắc của vùng đất Minh Hóa.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyen The Anh, *Monarchie et fait colonial au Viet Nam 1875-1925*, Ed. L' Harmattan, Paris, 1992.
2. B. Bourotte, "L' Aventure du Roi Ham Nghi", Bulletin des Amis du Vieux Hué (B.A.V.H), No. 3, 1929.
3. Phan Trần Chúc, *Vua Hàm Nghi*, Chinh Ký, Hà Nội, 1952, tr. 166-167.
4. Marcel Gaultier, *Le Roi proscrit, Impr. d' Extrême-Orient*, Paris, 1940.
5. Marcel Gaultier, *L' étrange aventure de Hàm Nghi: empereur d' Annam*, La Nef de Paris, 1959.
6. Charles Gosselin, *L' Empire d' Annam, Perrin et Cie*, Paris, 1904.
7. Prud'homme, *L' Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Chapelot, Paris, 1901.
8. Thomazi, *La conquête de l' Indochine Francaise*, Paris, 1934.
9. Nguyễn Quang Trung Tiên, "Chí lớn nghĩa trọng của Tôn Thất Đàm", Tạp chí Hué Xưa và Nay, số 15, 1996, tr.42-49.
10. Nguyễn Quang Trung Tiên, *Vua Hàm Nghi với phong trào Cần Vương ở Bình Trị Thiên (1885-1888)*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Đại học Khoa học Huế, 2000.
11. Nguyễn Quang Trung Tiên, *Tìm hiểu hệ thống di tích các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở khu vực Bình Trị Thiên cuối thế kỷ XIX*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Đại học Khoa học Huế, 2005.
12. Nguyễn Quang Trung Tiên, "Vua Hàm Nghi và sơn triều chống Pháp ở Quảng Bình", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Danh nhân Quảng Bình, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam - Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam - UBND tỉnh Quảng Bình, 2012.